

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 15/2019/HC-PT
Ngày 31 tháng 01 năm 2019
V/v “*Khiếu kiện Quyết định giải
quyết khiếu nại*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 322/2018/TLPT-HC ngày 28/9/2018 về việc “*Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai do có kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 636/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1954;

Nơi ĐKKHKT: Tổ H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Chỗ ở: đường Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Trọng T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2018); Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số K, phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tân P - Phó Chủ tịch UBND huyện S (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2018, BL26), xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Xuân M;

Địa chỉ: Tổ H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2018 và bản tự khai, người khởi kiện bà Phạm Thị D và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình bà khai phá được một mảnh đất tại địa chỉ: tổ H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai, diện tích khoảng 2 ha (gồm phía trên đường mòn và phía dưới đường mòn dân sinh) từ năm 1981. Năm 1992, gia đình bà có cho ông Lê Xuân M mảnh đất phía dưới đường mòn dân sinh. Còn phía trên đường mòn bà giữ lại để trồng trọt.

Ngày 09/6/2005, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông Lê Xuân M. Ông M đã nhận tiền bồi thường và bàn giao toàn bộ diện tích đất bị thu hồi cho dự án.

Ngày 05/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện S đã có văn bản số 2180/UBND-TNMT yêu cầu bà di chuyển toàn bộ tài sản, hoa màu trên đất để bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện dự án trước ngày 10/10/2017.

Không đồng ý với nội dung văn bản số 2180/UBND-TNMT, ngày 19/10/2017, bà có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S với nội dung: Bà cho rằng Ủy ban nhân dân huyện S đã bồi thường toàn bộ diện tích đất của bà cho ông M là sai, vì đất của bà đã có chủ quyền, được bà con chứng kiến, các hộ giáp danh đã ký làm rõ nguồn gốc quản lý và sử dụng đất của bà.

Ngày 21/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà. Quyết định có nội dung bác đơn khiếu nại của bà, giữ nguyên văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện S.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 theo trình tự sau:

Ngày 13/10/2017, Bà Phạm Thị D có đơn khiếu nại Văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện S, bà D cho rằng: Ban giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S đã bồi thường diện tích đất của bà cho ông M là sai; vì đất của bà D có chủ quyền, bà có chứng kiến của các hộ giáp ranh, chứng kiến của các hộ biết rõ nguồn gốc đất và duy trì trồng trọt của bà.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Luật khiếu nại năm 2011 đơn khiếu nại của bà Phạm Thị D đủ điều kiện thụ lý và thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Thông báo số 480/TB-UBND ngày 26/10/2017 về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại.

Ngày 10/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Phạm Thị D, thời gian xác minh là 30 ngày làm việc, thành lập tổ xác minh gồm 03 thành viên.

Trong quá trình xác minh, tổ xác minh đã tiến hành làm việc với bà Phạm Thị D và làm việc với cơ quan chuyên môn để xem xét các hồ sơ thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị D và hộ ông Lê Xuân M. Sau khi xác minh, Tổ xác minh đã có báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 24/BC-TXM ngày 18/12/2017. Kết quả xác minh: Việc Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 về việc bàn giao đất đã thu hồi tại Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S là đúng quy định.

Căn cứ vào báo cáo xác minh của tổ xác minh, ngày 21/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Phạm Thị D với các nội dung: Bác đơn khiếu nại ngày 19/10/2017 của bà Phạm Thị D, tổ H, thị trấn S, huyện S. Giữ nguyên Văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 về việc bàn giao đất đã thu hồi tại Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S đối với hộ bà Phạm Thị D. Yêu cầu bà Phạm Thị D trả lại diện tích đất trên cho Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Phạm Thị D tổ H, thị trấn S, huyện S theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân M trình bày:

Khoảng năm 1993, Nhà nước phát động trồng rừng để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, gia đình ông đã trồng rừng trên diện tích đất bị thu hồi, từ đó đến khi thu hồi không có tranh chấp với ai.

Ngày 09/6/2005, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành quyết định thu hồi diện tích 24.088,1m² của gia đình ông để thực hiện dự án Chợ văn hóa – Bến xe khách S. Ngày 13/10/2009, ông đã nhận tiền bồi thường và bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện S. Trong suốt quá trình gia đình ông bị thu hồi đất, gia đình bà D hoàn toàn không có ý kiến gì. Đến nay bà D lại khởi kiện cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất và bồi thường cho gia đình ông là không có căn cứ. Ông không nhất trí với nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị D vì ông cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất, bồi thường đền bù cho gia đình ông là đúng quy định của pháp luật. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng đối thoại không thành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 29/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, quyết định:

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

2. Về án phí:

Người khởi kiện bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000214 ngày 07/02/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 10/7/2018, bà Phạm Thị D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 10/QĐ-VKS-HC ngày 10/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị theo hướng sửa bản án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, hủy bỏ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 về giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Phạm Thị D giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Thống nhất với nội dung như trình bày tại nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét hủy Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, vì năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất của ông Lê Xuân M thì bà D không biết và việc thu hồi đất của ông M có diện tích đất của bà D. Bà D nhất trí việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân để thực hiện công trình phúc lợi, công cộng bà không có ý kiến gì về việc thu hồi đất và hiện nay trên đất bị thu hồi không có công trình xây mà chỉ trồng cây hoa. Nhưng, lẽ ra Ủy ban nhân dân huyện S phải bồi thường diện tích đất thu hồi của bà D cho bà D, nhưng lại bồi thường cho ông M là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai như tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về đối tượng khởi kiện cũng như thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện S là đúng thẩm quyền.

Xét kháng cáo, kháng nghị: Theo báo cáo số 24/BC-TXM ngày 18/12/2017 của Tổ xác minh thì người khiếu nại là bà D đã giao sổ quản lý rừng nhưng phía cơ quan có thẩm quyền không lập biên bản. Trong quá trình ban hành quyết định giải quyết khiếu nại có mâu thuẫn về quan điểm nhưng lại không tổ chức đối thoại. Biên bản xác minh diện tích đất thu hồi ngày 04/9/2017, lại trước ngày ban hành

Văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017. Tổ xác minh không xác minh những hộ giáp ranh đối với diện tích đất của bà D bị thu hồi. Trong Quyết định giải quyết khiếu nại không ghi đúng ngày theo đơn khiếu nại của bà D.

Từ căn cứ trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 là không đúng trình tự, nội dung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà D là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của bà D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai; sửa bản án sơ thẩm và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Phạm Thị D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Về quyền khởi kiện: Bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị D đối với văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 về việc bàn giao đất đã thu hồi, văn bản này chứa đựng nội dung của một quyết định hành chính là buộc bà Phạm Thị D phải di chuyển tài sản trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện S 2.777,47m² đất. Nên, Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị D, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên bà Phạm Thị D có quyền khởi kiện.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 là quyết định hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án được khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình. Bà Phạm Thị D khiếu nại đối với Văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 của UBND huyện S nên thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc về Chủ tịch UBND huyện S. Việc Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 là đúng thẩm quyền luật định.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 13/10/2017, bà Phạm Thị D có đơn khiếu nại Văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện S. Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Luật khiếu nại năm 2011 đơn khiếu nại của bà Phạm Thị D có đủ điều kiện thụ lý và thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, ngày 26/10/2017 Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Thông báo số 480/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại.

Ngày 10/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Phạm Thị D, thời gian xác minh là 30 ngày làm việc, thành lập tổ xác minh gồm 03 thành viên.

Trong quá trình xác minh, tổ xác minh đã tiến hành làm việc với bà Phạm Thị D và làm việc với cơ quan chuyên môn để xem xét các hồ sơ thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị D và hộ ông Lê Xuân M. Sau khi xác minh, Tổ xác minh đã có báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 24/BC-TXM ngày 18/12/2017.

Căn cứ vào báo cáo xác minh của tổ xác minh, ngày 21/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Phạm Thị D tổ H, thị trấn S, huyện S.

Như vậy, sau khi có báo cáo kết quả xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S phải tổ chức đối thoại với bà Phạm Thị D trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017, việc không tổ chức đối thoại là thiếu nên đã vi phạm về trình tự, thủ tục quy định tại Mục 2 Luật khiếu nại 2011 và thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức đối thoại, tại phiên đối thoại các bên đương sự cũng không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, như vậy, về quyền và nghĩa vụ của bà Phạm Thị D do không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S tổ chức đối thoại cũng không thay đổi gì, tuy nhiên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S cũng cần rút kinh nghiệm.

[3] Về nội dung văn bản số 2180/UBND-TNMT ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện S là yêu cầu bà D di chuyển toàn bộ tài sản, hoa màu trên đất để giao lại 2.777,47m² đất cho UBND huyện S.

Bà Phạm Thị D cho rằng việc UBND huyện S ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông M là sai vì diện tích đất trên là của gia đình bà.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người khởi kiện bà Phạm Thị D cung cấp tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất của mình gồm: một sổ quản lý vườn rừng cấp ngày 26/5/1992 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C; một giấy xác minh ranh giới, diện tích đất vườn rừng.

Qua xem xét các tài liệu trên nhận thấy, trên sơ đồ vườn rừng trong sổ quản lý vườn rừng cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C thể hiện, đất của ông Nguyễn

Văn C có một mặt giáp với đất của bà D nhưng sơ đồ không có vị trí đất, không có tọa độ đất cụ thể, sơ đồ ghi chung chung là giáp vườn nhà bà D.

Mặt khác bà D cũng thừa nhận diện tích 2.777,47m² đất mà bà D cho là của gia đình bà, thì gia đình bà D chưa đăng ký sử dụng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm năm 2005 khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S lúc đó nhà nước thu hồi đất của cả gia đình bà D và gia đình ông M, khi nhà nước thống kê bồi thường đất và tài sản trên đất của gia đình bà D và gia đình ông M, bà D cũng không có ý kiến gì.

Bà D đã khẳng định diện tích đất trên bà D dùng để trồng hoa màu và những cây hoa màu ngắn ngày, nhưng tại thời điểm thống kê bồi thường năm 2005 đối với ông M thì trên đất đã có các loại cây lâm nghiệp do ông M trồng như cây sa mộc có đường kính từ 8cm đến trên 30cm, cây thông dầu 02 năm tuổi...(BL 43).

Trong giấy xác minh ranh giới, diện tích đất vườn rừng do bà D lập ngày 06/10/2017, bà D không trình bày rõ diện tích đất của gia đình bà khai phá có ranh giới cụ thể như thế nào, giáp với đất của các hộ nào, trong giấy xác minh này bà D trình bày: Cuối năm 2014, bà đã cho em là ông Nguyễn Duy H mượn để trồng hoa ly xen kẽ các hoa màu khác, nhưng trong Biên bản làm việc ngày 14/9/2017 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S, bà D lại trình bày: bà D cho ông Nguyễn Văn T (huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc) thuê trồng hoa từ năm 2014 cho đến nay. Như vậy, lời trình bày của bà D tại giấy xác minh và tại buổi làm việc không thống nhất về thời gian bà D cho ông H mượn hoặc cho ông T thuê (Từ năm 2014 đến nay). Theo bà D trình bày thì thời gian này diện tích đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện S ban hành quyết định thu hồi 24.088,1m² đất của gia đình ông M để thực hiện dự án Chợ văn hóa – Bến xe khách S (Ngày 09/6/2005 ban hành quyết định thu hồi và ngày 13/10/2009, ông M đã nhận tiền bồi thường).

Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tại thời điểm nhà nước thu hồi đất năm 2005 của ông M thì bà Phạm Thị D không phải là người đang sử dụng đất ổn định đối với diện tích đất mà ông Lê Xuân M bị thu hồi. Do đó, đã bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị D đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 989/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như quan điểm và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngoài ra, bà D cho rằng Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất năm 2005 để thực hiện dự án Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S là đúng, bà D không có ý kiến gì về việc Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án trên. Tuy nhiên, bà D cho rằng diện tích đất thu hồi của ông M có phần diện tích đất của bà, lẽ ra phải bồi thường diện tích đất này cho bà D nhưng lại bồi thường cho ông M là không đúng. Do đó, đối với diện tích đất mà bà D cho rằng Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất của ông M thuộc quyền sử dụng của bà, thì bà D có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự nếu thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo, nên bà D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị D và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số xxxxxxxx ngày 07/02/2018, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

[2]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số yyyyyyy ngày 12/7/2018, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Hưng

